

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/6/2022

V/v tranh chấp HNGĐ-Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hữu Hà;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Võ Thị Điệp;

2. Ông Phạm Phước Tâm;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2022/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 120/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: tổ 3, ấp Tịnh Đ, xã Tịnh T, thành phố Cao L, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông **Khổng Văn D**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp Bình D, xã Nhị M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

*(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Bà L và ông D được gia đình hai bên mai mối và tổ chức đám cưới chung sống với nhau năm 1986, không có đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc. Sau đó, ông D không quan tâm, chăm lo cho gia đình nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ông D sống với người phụ nữ khác. Đến năm 2010, ông D bỏ địa phương đi đến nay không trở về.

Ngày 07/9/2021, Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp có Quyết định số 15/2021/QĐST-VDS tuyên bố ông Khổng Văn D mất tích. Từ Khi Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn đến nay, ông D không trở về địa phương ngày nào.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Không Văn D.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Không Thị Ngọc H, sinh năm 1988 và Không Văn Minh T, sinh năm 1992. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bà L đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết việc dân sự tuyên bố ông Không Văn D mất tích và được Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh chấp nhận đơn yêu cầu tại Quyết định số: 15/2021/QĐST-VDS ngày 07/9/2021 về việc tuyên bố mất tích đối với ông Không Văn D.

Nay, bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Không Văn D.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. **Về tố tụng:** Bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu được ly hôn với ông Không Văn D. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn*”.

Ông Không Văn D là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ấp Bình D, xã Nhị M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Không Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Không Văn D.

### **2. Về nội dung vụ án:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà L và ông D chung sống với nhau vào năm 1986 và không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, bà L và ông D có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1986 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Nay, đời sống chung giữa bà L và ông D phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2010 ông D bỏ địa phương đi không ai hay biết và không liên lạc về cho bà L. Bà L đã thông báo tìm kiếm ông D, nhưng ông D cũng không về. Bà L đã yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với ông D và được Toà án chấp nhận tại Quyết định số: 15/2021/QĐST-VDS ngày 07/9/2021. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Không Văn D là vợ chồng.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung tên Không Thị Ngọc H, sinh năm 1988 và Không Văn Minh T, sinh năm 1992. Hiện nay, các con chung đã

trưởng thành, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**- Về tài sản chung, nợ chung:** Không có, không yêu cầu giải quyết.

**Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bà L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007299 ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, tiền án phí đương sự đã nộp xong.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị L.

**1. Về hôn nhân:** Không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Không Văn D là vợ chồng.

**2. Về con chung:** Không Thị Ngọc H, sinh năm 1988 và Không Văn Minh T, sinh năm 1992 đã trưởng thành, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**3. Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về nợ chung:** Không có.

**5. Về án phí:** Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007299 ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Hữu Hà**